TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Chí Linh

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A đường B, khóm C, phường D, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Phạm Thị Kiều T:*

Hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng E tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/8/2017, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm năm 2020 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông E.

Con chung: Bà T và ông E có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/9/2016 (giới tính nữ), hiện do ông E đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T tự nguyện để cho ông E tiếp tục nuôi dạy con chung, bà T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng E. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Nguyễn Hoàng E có nơi cư trú tại ấp H, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Hoàng E vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông E theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng E tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/8/2017, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông E. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông E đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định bà và ông E không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, do ông E vắng mặt tại các phiên hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông E được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông E có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/9/2016 (gới tính nữ), hiện do ông E đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T tự nguyện để cho ông E được nuôi dạy con chung. Xét thấy, con chung từ trước đến nay

sống ổn định với ông E, ông E không có ý kiến gì đối với việc bà T đưa ra ý kiến để cho ông E tiếp tục nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T để cho ông E tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Bà T xác định không có, ông E không có ý kiến gì về tài sản chung vợ chồng nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, ông E không có ý kiến gì về vấn đề nợ chung vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng E.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng E.

2.1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng E được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/9/2016 (giới tính nữ) cho ông E tiếp tục nuôi dạy. Bà T không đặt ra yêu cầu yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 12 tháng 7 năm 2022, bà T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0015103 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông E vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh